

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1763/2020/KDTM-ST
Ngày: 27/10/2020
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 589/2019 TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2020/QĐST-KDTM ngày 29/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Chánh Đ

Địa chỉ: Tổ 9 , ấp Hóa N, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Quyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo pháp luật : Ông Cho Jin H

Đại diện theo ủy quyền: Đỗ Khôi Nguyên (có đơn xin vắng mặt)

Theo văn bản ủy quyền số ngày 5/3/2019

Bị đơn: Công ty TNHH DV Châu Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 111/83 đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Trung Đ (vắng mặt)

Địa chỉ : Số 207/2/11 Nguyễn Văn Đ, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các biên bản hòa giải thì:

Ngày 01/1/2017 nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng gia công số 02GC/CĐ/2017, theo thỏa thuận thì nguyên đơn thực hiện gia công các mặt hàng theo

yêu cầu đặt hàng của bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với bị đơn.

Ngày 31/12/2017 hai bên đối chiếu công nợ xác nhận tổng tiền mà bị đơn còn thiếu là 319.371.250 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở bị đơn có thanh toán 134.857.475 đồng còn thiếu **157.218.150 đồng (1)**. Cụ thể:

- Hóa đơn 0000476 xuất ngày 31/10/2017 số tiền 149.714.950 đồng đã thanh toán xong
- Hóa đơn 00004960 xuất ngày 30/11/2017 số tiền 79.328.150 đồng đã thanh toán được 12.438.150 vào ngày 21/3/2019. Số tiền chưa thanh toán **66.890.000 đồng**.
- Hóa đơn số 0000006 xuất ngày 30/12/2017 số tiền **90.328.150 đồng** chưa thanh toán.

Tổng cộng số tiền nợ gốc là: $66.890.000 + 90.328.150 = 157.218.150$ đồng.

Tiền lãi phát sinh :

Căn cứ **Điều 306** Luật Thương mại 2005 quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán và **Điều 11** xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Thời điểm bắt đầu chịu lãi theo thỏa thuận Điều 4 của hợp đồng “*Thanh toán trong thời gian 10 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn*”. Như vậy thời điểm bắt đầu tính lãi là ngày 10/01/2018 đến ngày 27/10/2020 là: **1.020 ngày**

$157.328.150 \text{ đồng} \times 1.020 \text{ ngày} \times 0.027397\%/\text{ngày} (10\% \text{ năm}) = 43.998.002 \text{ đồng (2)}$

Tiền gốc và lãi phát sinh là: **(1) +(2) = 201.326.152 đồng**

Bị đơn, vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và gửi bản tự khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn và lãi quá hạn tính tới ngày 27/10/2020 là 201.326.152 đồng (trong đó nợ gốc là: 157.218.150 đồng, nợ lãi là: 43.998.002 đồng).

Tại Điều 6 của Hợp đồng gia công số 02GC/CĐ/2017 ngày 01/01/2017 nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng: “ Mọi tranh chấp, mâu thuẫn trong hợp đồng này sẽ được đưa ra Trung tâm trọng tài Quốc Tế tại Việt Nam xử lý”. Tuy nhiên tại Việt Nam không có Trung tâm trọng tài Quốc Tế tại Việt Nam (không thể xác định được tổ chức trọng tài cụ thể). Nguyên đơn đã gửi cho bị đơn văn bản thỏa thuận lại xác định giải quyết tranh chấp hợp đồng nhưng nguyên đơn không nhận được sự hợp tác của bị đơn.

Căn cứ Điều 43 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định “ *Trường hợp các bên đã có thỏa thuận trọng tài nhưng không rõ hình thức trọng tài hoặc không thể xác định được tổ chức trọng tài cụ thể, thì khi có tranh chấp các bên phải thỏa thuận lại về hình thức trọng tài hoặc tổ chức trọng tài cụ thể để giải quyết tranh chấp. Nếu không thỏa thuận được thì việc lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn hoặc có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết*”

Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại 111/83 đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng và sự có mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 201.326.152 đồng (trong đó nợ gốc là 157.218.150 đồng, nợ lãi là 43.998.002 đồng).

Căn cứ Điều 4 Hợp đồng gia công số 02GC/CĐ/2017 ngày 01/01/2017. Thì xác định thời hạn vi phạm hợp đồng là ngày 10/1/2018.

Căn cứ bảng đối chiếu công nợ hàng gia công tháng 10,11,12/2017 ngày 30/12/2017 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 319.481.250 đồng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các biên bản tự khai của nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 162.153.100 đồng và thừa nhận đến ngày 27/10/2020 bị đơn chỉ còn thiếu số tiền vốn là 157.218.150 đồng.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương Mại 2005 Quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán.

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019 xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

Căn cứ Công văn số 187/ĐSG-KT ngày 18/2/2020 của Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Sài Gòn mức lãi trung và dài hạn là 11%/năm

Căn cứ Công văn số 110/CV-CN7 ngày 19/2/2020 của Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh mức lãi trung và dài hạn là 10%/năm

Căn cứ Công văn số 450/NHNNBT-PC ngày 20/2/2020 của Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh Bình Thạnh mức lãi nợ quá hạn tối thiểu là 13.5%/năm

Căn cứ vào đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất quy định của 3 ngân hàng nêu trên, điều này có lợi cho bị đơn.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có tiền hành ký kết hợp đồng gia công. Nguyên đơn đã thực hiện đúng việc gia công, sau đó các bên có bản quyết toán công nợ ngày 30/12/2017

Đến nay bị đơn chưa thanh toán đủ tiền thuê như thỏa thuận. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Và nguyên đơn xác nhận số tiền bị đơn còn nợ là 157.218.150 đồng

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận mức lãi suất nên Tòa áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng nêu trên. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm thấp hơn lãi suất do 03 Ngân hàng quy định, điều này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 10%/năm của nguyên đơn

-Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2020 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định trong hợp đồng nguyên tắc nên có đủ cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí :

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, Điều 147, 203, 207, 208, 220, 227, 228, 244, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015
Áp dụng Điều 300, 305, 306 Luật Thương mại;
Áp dụng Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019
Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH Chánh Đ

Buộc Công ty TNHH Châu Đức có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Chánh Đ số tiền là 201.326.152 đồng (Hai trăm lẻ một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn một trăm năm mươi hai đồng) (trong đó nợ gốc là: 157.218.150 đồng, nợ lãi là: 43.998.002 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Châu Đức còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Chánh Đ tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 28/10/2020 theo mức lãi suất 10%/năm trên số dư nợ gốc thực nợ cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Châu Đức phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.066.380 đồng (Mười triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Chánh Đ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 22.346.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0020613 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM
- VKSNDQ. Bình Thạnh
- VKSND TP. HCM
- Chi Cục THADS Q. Bình Thạnh
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hiếu

